

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000.333.195 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 14/3/2018;
- Vốn điều lệ: 285.620.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 337.290.058.591 đồng
- Địa chỉ: Km70, Quốc lộ 8A, xã Sơn Kim1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;
- Số điện thoại: 02393.876.017
- Số fax: 02393.876.017
- Website: thuydienhuongson.vn
- Mã cổ phiếu : GSM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày thành lập (Quyết định góp vốn): 10 tháng 3 năm 2003;
 - + Ngày đi vào vận hành phát điện thương mại: Tháng 1 năm 2011
 - + Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng: 19 tháng 11 năm 2014;
- Các sự kiện khác.
 - + Ngày hoàn thành công trình: 3 năm 2012;

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Địa bàn kinh doanh: Sản xuất điện hòa vào mạng lưới điện Quốc gia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Bao gồm:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc
- + Các phòng, bộ phận trong Công ty gồm:
 - ++ Phòng Tổ chức – Hành chính;
 - ++ Phòng Quản lý Kỹ thuật – Công nghệ (Có Tổ QL VH Đường dây)
 - ++ Bộ phận Nhà máy: Gồm các ca vận hành, Tổ VH đầu mối, Tổ Kỹ thuật;



- ++ Phòng Tài chính kế toán – Kinh tế;
- **Cơ cấu bộ máy quản lý.** Bao gồm:
 - + Đại Hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng giám đốc
- **Các công ty con, công ty liên kết: Không;**

5. **Định hướng phát triển**

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**
 - + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
 - + Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hương Sơn 2, mang lại hiệu suất vận hành cao cho cả cụm Dự án.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- + Tập trung quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Hương Sơn đạt hiệu suất cao;
- + Chuyên nhượng đường dây 110 KV cho Tổng công ty điện lực Miền Bắc;
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

Công ty đang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm tạo ra cũng là sản phẩm sạch, an toàn cho môi trường, mang lại nguồn điện năng không nhỏ góp phần vào sự phát triển của đất nước (Khai thác hiệu quả Dự án giảm phát thải khí Carbon - CDM);

6. **Các rủi ro:**

* **Rủi ro kinh tế:**

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp điện cơ bản, đặc biệt là thủy điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng mới, nhà ở... để từ đó tăng nhu cầu sử dụng điện. Ngược lại khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ điện tại tất cả các mặt trong đời sống của ngành điện nói chung và của Công ty nói riêng.

Nhìn chung, thị trường đang dần trên đà phục hồi, các doanh nghiệp cũng đang cải thiện được tình hình sản xuất, kinh doanh của mình và ngành thủy điện cũng không phải là một ngoại lệ. Đây chính là yếu tố mà Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn cần nắm bắt nếu như Công ty muốn tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

- **Lãi suất:** Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động. Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại. Rủi ro biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng cực lớn đến khả năng sinh lợi nhuận của Công ty.

* **Rủi ro Luật pháp:**

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

Mặt khác Công ty hiện nay đã trở thành công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

*** Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành thủy điện như rủi ro thời tiết. Đối với các Công ty thủy điện thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là rủi ro đặc thù của ngành thủy điện. Lượng mưa là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng đến việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự báo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

*** Rủi ro biến động giá cổ phiếu:**

Việc Công ty cổ phần Thủy Điện Hương Sơn đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã chủ động công bố thông tin đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và một số đơn vị liên quan khác nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

*** Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (TH/KH) cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|---|
| a. Tổng giá trị SXKD: | 169,455 tỷ đồng / 106,300 tỷ đồng (Đạt 159,412 %) |
| b. Tổng doanh thu: | 154,052 tỷ đồng / 96,710 tỷ đồng (Đạt 159,293 %) |
| c. Chi phí : | 107,511 tỷ đồng / 96,696 tỷ đồng (Tăng 11,185 %) |
| d. Lợi nhuận sau thuế TNDN: | 46,541 tỷ đồng / 14 triệu đồng (Đạt 332.436 %) |
| e. Nộp ngân sách: | 32,363 tỷ đồng / 20,897 tỷ đồng (Đạt 154,869 %) |

f. Sản lượng điện: 152.222.804 Kwh/100 triệu Kwh (Đạt 152,223 %)

e. Thu nhập bình quân tháng CBCNV: 8.224.428 đồng/người/tháng

** Nguyên nhân vượt kế hoạch lợi nhuận:*

Trong năm 2017, sản lượng vượt kế hoạch đề ra do thời tiết thuận lợi, lượng nước trung bình về hồ khá lớn (đạt 5,11 m³/s); đồng thời với sự điều hành có hệ thống và sát sao, lượng nước ở hồ Nậm Luông được sử dụng hợp lý, hạn chế được tối đa tình trạng xả tràn, Công ty cũng đã linh hoạt và chặt chẽ trong việc lập chiến lược chạy máy và tiết kiệm tối đa chi phí vận hành, dẫn đến doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: Trần Công Hòe - Tổng giám đốc;

+ Ông Nguyễn Văn Hiệp - Kế toán trưởng;

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Ông Nguyễn Huy Tuấn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Phụ trách Công ty thay cho Ông Trần Công Hòe;

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** 66 người

- **Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:** Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo các quy định của Nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn, bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động.

- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Hiện tại, Nhà máy thủy điện Hương Sơn (Bậc 2) với Công suất lắp máy 6,4 MW; Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, Bộ tài nguyên và môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thẩm định thiết kế cơ sở và đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn phê duyệt dự án đầu tư. Hiện tại, Công ty đang gấp rút thực hiện các thủ tục xin cấp đất rừng, song hành với việc thu xếp nguồn vốn thực hiện dự án.

3. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng (giảm)
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	660.227.904.794	625.710.759.224	Giảm 5,23 %
Doanh thu thuần	134.651.455.653	154.033.460.969	Tăng 14,39 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.866.200.799	49.095.126.353	Tăng 97,44 %
Lợi nhuận khác	(217.011.624)	471.258.341	
Lợi nhuận trước thuế	24.649.189.175	49.566.384.694	Tăng 101,09%
Lợi nhuận sau thuế	24.649.189.175	46.540.802.843	Tăng 88,81%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,089	0,115	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,0886	0,113	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,559	0,460	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,27	0,855	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	333.15	231.52	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,20	0,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,183	0,302	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,138	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,037	0,074	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,185	0,319	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 28.562.000.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP dịch vụ khách sạn Kim Thành	6.854.880	68.548.800.000	24,00
2	Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	5.640.000	56.400.000.000	19,75
3	Công ty TNHH Đại Hiệp	2.856.220	28.562.200.000	10,00
4	Nguyễn Thị Nhân Ái	2.890.500	28.905.000.000	10,12
5	Bùi Chí Thiệp	1.729.900	17.299.000.000	6,06
6	Nguyễn Mạnh Thái	2.843.200	28.432.000.000	9,95
7	Các cổ đông khác	5.747.300	5.747.300	20,12
	Tổng	28.562.000	285.620.000	100

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Số vốn đầu tư không thay đổi, chỉ chuyển quyền sở hữu từ cổ đông này sang cổ đông khác.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** *Không.*

e) **Các chứng khoán khác:** *Không.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** *Như báo cáo ở trên.*

Những tiến bộ Công ty đã đạt được: Đã xây dựng được kế hoạch chạy máy đạt hiệu suất cao hơn các năm trước, sản lượng và doanh thu tăng lên đáng kể.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho...). Tuy nhiên tài sản chính của Công ty chính là tài sản dài hạn (Bao gồm các tài sản cố định là các hạng mục công trình và một số tài sản khác). Trong năm qua, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tương đối cao, kết quả cụ thể nhất là doanh thu vượt kế hoạch đề ra, các hạng mục công trình hoạt động ổn định và không xảy ra hư hỏng lớn...

b) **Tình hình nợ phải trả**

– *Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.*

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty tương đối lớn, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn. Công ty vẫn đang tích cực tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm trả trước các khoản vay có lãi suất cao và dần trả số nợ còn lại.

– *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:*

Hiện tại, Công ty đang gặp khó khăn đối với khoản nợ quá hạn tại Ngân hàng phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tĩnh (VDB). Công ty đang tích cực và quyết liệt thương thảo nhằm giảm chi phí lãi vay đối với các tổ chức tín dụng có lãi suất cho vay cao, đưa ra những chiến lược cũng như biện pháp về tài chính thích hợp nhất để cơ cấu lại nợ tại VDB, góp một phần giảm gánh nặng trong chi phí SXKD cho đơn vị.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Công ty đang có một nhiệm vụ rất lớn song hành cùng việc điều hành Sản xuất phát điện thương mại đó là đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2017, mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn, bất lợi nhưng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã đoàn kết, nhất trí cùng nhau vượt qua khó khăn, thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được

các Cổ đông thông nhất thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017. Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ như: các Tổ máy vận hành an toàn; CBCNV vận hành cơ bản đã làm chủ được dây chuyền công nghệ, thiết bị; sử dụng tương đối hiệu quả nguồn tài nguyên nước cho việc phát điện thương mại ... Việc triển khai thực hiện các nội dung đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 đã hoàn thành và vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc đã xây dựng được chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả, vượt kế hoạch các chỉ tiêu chính đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Điều hành Vận hành an toàn Nhà máy, phát điện trong điều kiện có lợi nhất cả về giá bán, thời điểm, lượng nước;
- Chăm lo đời sống cho CBCNV, không ngừng nâng cao đào tạo đội ngũ vận hành, kỹ sư, cán bộ quản trị;
- Lập kế hoạch khoa học thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018
- Khai thác hợp lý, hiệu quả Dự án bán khí giảm phát thải (CDM);
- Hoàn tất các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 để khởi công trong năm 2018;
- Cơ cấu lại các khoản nợ ở các tổ chức tín dụng để lành mạnh tài chính Công ty;
- Lập kế hoạch tổng thể, chi tiết để triển khai dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;
- Thực hiện đúng, hoàn thành tốt trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước Đại Hội đồng cổ đông sau đại hội này với các quy định cụ thể về trách nhiệm/quyền hạn tại điều lệ Công ty và quy định của Nhà Nước về trách nhiệm/Quyền hạn của Hội đồng quản trị về quản trị với công ty đại chúng.
- Quan hệ tốt với các cơ quan Bộ ngành Trung ương và địa phương để thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ đầu tư dự án thủy điện Hương Sơn 2.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Từ ngày 01/1/2017 đến 23/12/2017: Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Minh Thuận	Chủ tịch HĐQT	
2	Trần Công Hòe	Ủy viên HĐQT, TGD	
3	Nguyễn Thị Hà	Ủy viên HĐQT	
4	Võ Thị Hoa	Ủy viên HĐQT	
5	Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm Ngày 05/5/2017

- Từ ngày 23/12/2017 đến nay: Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Huy Hùng	Ủy viên HĐQT	
3	Trần Thị Kim Thoa	Ủy viên HĐQT	
4	Nguyễn Thị Hà	Ủy viên HĐQT	
5	Trương Hữu Phúc	Ủy viên HĐQT	
6	Bùi Chí Thiệp	Ủy viên HĐQT	
7	Nguyễn Mạnh Thái	Ủy viên HĐQT	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2017, đã tổ chức 05 cuộc họp Hội đồng quản trị, thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích lớn cho đơn vị. Cụ thể:

- Ban chấp hành Đảng ủy Công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc... để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại hội đồng Cổ đông, của các cơ quan lý Nhà nước.

- Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng : Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định,... do Nhà nước, Hội đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của Cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo đề nghị của Ban giám đốc điều hành.

- Quản lý, điều hành công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của Công ty, nhất là Công ty đang đối diện các khó khăn nêu trên. Thời gian quan công tác đối ngoại mang lại hiệu quả to lớn cho hoạt động toàn diện của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến về các nội dung trình của Tổng giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

- e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có;
 f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không có;

2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- *Từ ngày 01/1/2017 đến 23/12/2017: Cơ cấu Ban kiểm soát như sau:*

Ông: Bùi Văn Minh – Trưởng Ban kiểm soát;
 Ông: Trịnh Xuân Mạnh – Thành viên Ban kiểm soát;
 Bà: Phan Thị Huệ – Thành viên Ban kiểm soát;

- *Từ ngày 23/12/2017 đến nay: Cơ cấu Ban kiểm soát như sau:*

Ông: Bùi Văn Minh – Trưởng Ban kiểm soát;
 Ông: Phạm Tiến Dũng – Thành viên Ban kiểm soát;
 Bà: Trần Đức Tao – Thành viên Ban kiểm soát;

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.*

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể: Tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thực hiện năm 2017 như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	72	72	0	Thù lao
2	Thành viên HĐQT	6	144	124	20	Thù lao
3	Trưởng BKS	1	48	48	0	Thù lao
4	Thành viên BKS	2	72	72	0	Thù lao
	Cộng		336	316	20	Giảm

Nguyên nhân chênh lệch: Từ ngày 01/1/2017 đến 05/5/2017, Hội đồng quản trị có 04 Người so với kế hoạch là 05 Người (Trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT, 02 Ủy viên hưởng thù lao, 01 Ủy viên kiêm Tổng giám đốc không hưởng thù lao của HĐQT). Từ 05/5/2017, bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị hưởng thêm thù lao. Ngày 23/12/2017, Đại hội đồng cổ đông bất thường thống nhất tăng số lượng Ủy viên HĐQT từ 05 Người

lên 07 Người. Những điều này dẫn đến sự chênh lệch trong tổng thù lao thực hiện so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

- Ban Tổng giám đốc:

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
1	Tổng giám đốc	1	300	304,536	4,536	Tăng
2	Kế toán trưởng	1	240	198,769	41,231	Giảm
	Cộng		540	503,305		

Nguyên nhân chênh lệch: Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được tính dựa trên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản lượng hàng tháng (theo KH SXKD 2017 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt).

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có;
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có;
- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

(Chi tiết có báo cáo tài chính đã đăng trên Website của Công ty:

<http://thuydienhuongson.vn/quanhecodong.html>)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Huy Tuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.781.818.892	24.131.109.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.147.551.220	3.410.034.785
1. Tiền	111	5	8.147.551.220	3.410.034.785
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.037.876.584	20.214.275.680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.539.672.698	19.110.702.526
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		333.991.864	921.344.326
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	405.539.386	423.556.192
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(241.327.364)	(241.327.364)
III. Hàng tồn kho	140		274.210.255	184.069.788
1. Hàng tồn kho	141	10	274.210.255	184.069.788
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		322.180.833	322.728.934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	322.180.833	322.180.833
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.2	-	548.101
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		600.928.940.332	636.096.795.607
I. Tài sản cố định	220		584.025.275.615	618.995.989.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	583.989.608.960	618.927.989.863
- Nguyên giá	222		796.136.419.978	795.480.339.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.146.811.018)	(176.552.350.115)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	35.666.655	67.999.287
- Nguyên giá	228		229.326.317	229.326.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(193.659.662)	(161.327.030)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.997.833.776	12.997.833.776
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	12.997.833.776	12.997.833.776
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.905.830.941	4.102.972.681
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	3.905.830.941	4.102.972.681
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		625.710.759.224	660.227.904.794

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017		01/01/2017	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		288.420.700.633		368.908.731.741	
I. Nợ ngắn hạn	310		216.433.765.972		270.300.064.604	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.244.137.996		9.092.076.040	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	9.807.549.926		7.469.482.795	
3. Phải trả người lao động	314		694.552.001		2.719.772.847	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.899.786.845		2.180.464.792	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	61.250.551		248.268.130	
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	199.456.571.348		248.590.000.000	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		269.917.305		-	
II. Nợ dài hạn	330		71.986.934.661		98.608.667.137	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	71.986.934.661		98.608.667.137	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		337.290.058.591		291.319.173.053	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	337.290.058.591		291.319.173.053	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	285.620.000.000		285.620.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		285.620.000.000		285.620.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	569.917.305		-	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20a	51.100.141.286		5.699.173.053	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.559.338.443		(18.950.016.122)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.540.802.843		24.649.189.175	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		625.710.759.224		660.227.904.794	

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 3 năm 2018



Giám đốc

Trần Công Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	
			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	154.033.460.969	134.651.455.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	154.033.460.969	134.651.455.653
4. Giá vốn hàng bán	11	23	63.485.512.357	61.323.354.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		90.547.948.612	73.328.100.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	18.228.409	37.364.744
7. Chi phí tài chính	22	25	34.602.851.009	35.565.429.087
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.602.739.590	35.561.534.775
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6.868.199.659	12.933.835.734
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		49.095.126.353	24.866.200.799
11. Thu nhập khác	31	27	482.272.868	-
12. Chi phí khác	32	28	11.014.527	217.011.624
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		471.258.341	(217.011.624)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		49.566.384.694	24.649.189.175
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.025.581.851	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		46.540.802.843	24.649.189.175
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.629	843

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

Người lập biểu

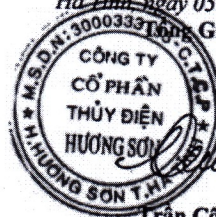
Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Trần Công Hòe

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017		Năm 2016	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.566.384.694		24.649.189.175	
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12, 14	35.626.793.535		35.615.532.624	
- Các khoản dự phòng	03		-		99.464.150	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-		3.894.312	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(17.570.299)		(37.364.744)	
- Chi phí lãi vay	06	25	34.602.739.590		35.561.534.775	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.778.347.520		95.892.250.292	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.179.343.211		(2.737.529.753)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(90.140.467)		26.131.332	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.282.991.439)		686.648.088	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		197.141.740		264.748.282	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.179.177.537)		(48.880.923.234)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(168.939.750)		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(300.000.000)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.133.583.278		45.251.325.007	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	14	(656.080.000)		(2.603.200.757)	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.174.285		33.228.514	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(640.905.715)		(2.569.972.243)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ đi vay	33		40.000.000.000		-	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(115.755.161.128)		(46.487.662.586)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.755.161.128)		(46.487.662.586)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.737.516.435		(3.806.309.822)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.410.034.785		7.220.238.919	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		(3.894.312)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	8.147.551.220		3.410.034.785	

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2017.

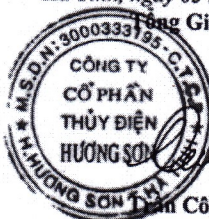
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 3 năm 2018



Trưởng Giám đốc

Trần Công Hòa